TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DS-PT
Ngày: 06/02/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Tiên**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Lê Thị Anh Minh**

2. Bà **Lê Thị Mỹ Nhung**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Võ Quỳnh Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trí Đức**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/02/2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố H, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1082/2024/TLPT-DS ngày 12/12/2024, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 4608/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9876/2024/QĐ-PT ngày 20/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng ĐA

Địa chỉ: 130 PĐL, Phường B, quận PN, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà L, sinh năm 1998 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 68 BĐ, Phường H, quận BT, TP. H.

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 17/5/1 đường TB, khu phố B, phường HBC, thành phố TĐ, TP.H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của đại diện nguyên đơn trong quá trình tố tụng thể hiện như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0153387452T20021 ngày 24/4/2020, bà Bđã vay Ngân hàng ĐA (sau đây viết tắt là Ngân hàng) số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 24/4/2020 đến ngày 24/4/2024). Mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất 7,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 1.5% lãi suất cho vay trong hạn. Thực hiện hợp đồng vay thì bà B đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc là 57.913.060 đồng, lãi trong hạn là 26.069.940, tổng cộng là 84.010.000 đồng. Đến ngày 29/12/2021 thì bà B chết và ông T là người thừa kế duy nhất của bà B. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/7/2023 là 46.656.433 đồng (trong đó số tiền gốc là 42.086.940 đồng, lãi trong hạn là 3.903.060 đồng, lãi quá hạn là 666.433 đồng. Kể từ ngày 26/7/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lê các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt và không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 4608/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 *của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H đã tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng ĐA tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng ĐA về việc buộc bị đơn – ông T là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà B(chết ngày 29/12/2021) phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng ĐA tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/7/2023 là 46.656.433 đồng (trong đó số tiền gốc là 42.086.940 đồng, lãi trong hạn là 3.903.060 đồng, lãi quá hạn là 666.433 đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 07/10/2024, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T (là người thừa kế duy nhất của bà B) thực hiện nghĩa vụ của bà B chết để lại là có căn cứ, hơn nữa chính ông Trung đã ký cam kết bảo lãnh trả nợ thay cho bà B, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp, thiệt hại cho quyền lợi của nguyên đơn.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay và tiền lãi, bị đơn cư trú tại thành phố TĐ, nên Tòa án nhân dân thành phố TĐ thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, cần bổ sung thêm quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại". Đơn kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Căn cứ các Giấy ủy quyền, xét việc ủy quyền của nguyên đơn là hợp lệ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến hai lần. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn

[3.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng cho vay trả góp- hưu trí- số 00538213/0153387452T20021 ngày 24/7/2020 cho thấy người vay tiền là bà B- mẹ của bị đơn T. Tuy nhiên, trong thời gian vay, bà B đã chết ngày 04/01/2021, theo giấy chứng tử số 03/2022 của Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, thành phố TĐ. Qua xác minh cho thấy ông T người thừa kế quyền và nghĩa vụ duy nhất của bà B.

[3.2] Theo quy tại Khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự thì "Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại". Theo quy định này, ông T và những người thừa kế khác của bà B (nếu có) chỉ phải chịu trách nhiệm trả nợ (khoản vay của bà B) trong phạm vi di sản do bà B chết để lại. Việc xác minh di sản của bà B sẽ được thực hiện trong giai đoạn thi hành án.

[3.3] Mặt khác, căn cứ "Đơn đề nghị vay vốn..." của bà B, chính ông Trung đã tự nguyện ký cam kết trả nợ thay trong trường hợp bà B không trả được nợ,

nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không xem xét toàn diện chứng cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, nguyên đơn đã tự nguyện không tính lãi của hợp đồng vay kể từ ngày 26/7/2023 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn- Ngân hàng ĐA, sửa bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông phải chịu theo quy định, án phí là 2.332.822 (Hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi hai) đồng.

[5]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 148; Điều 227; Điều 228; Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 4608/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố TĐ, Thành phố H:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ngân hàng ĐA, buộc bị đơn – ông T là người thừa kế của bà Bthực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng ĐA tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/7/2023 là 46.656.433 (Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng ĐA không tính lãi theo hợp đồng vay kể từ ngày 26/7/2023.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông T phải chịu 2.332.822 (Hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi hai) đồng.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 1.166.411 (Một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm mười một) đồng, theo Biên lai thu số AA/2023/0005804 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố H.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số 0067134 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TĐ, Thành phố H.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP. TĐ;
- Chi cục THADS TP. TĐ;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mỹ Tiên